

Số: 4514/2013/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung phí đấu giá trong hoạt động
đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí số 38/2001/PL - UBTV- QH ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ- CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 qui định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 63/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Khoá XVI, kỳ họp thứ 8 về việc sửa đổi, bổ sung phí đấu giá tài sản trong hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung phí đấu giá trong hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

I. Mức thu phí đấu giá tài sản.

1. Đối tượng nộp phí.

Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ phải nộp phí đấu giá cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, trừ trường hợp bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước, đấu giá quyền sử dụng

đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các trường hợp do Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện.

2. Mức thu.

a) Trường hợp bán được tài sản thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được như sau:

Số TT	Giá trị tài sản bán được	Mức thu
1	Dưới 50 triệu đồng	5% giá trị tài sản bán được
2	Từ 50 triệu đến 1 tỷ đồng	2,5 triệu đồng + 1,5% giá trị tài sản bán được vượt 50 triệu
3	Từ trên 1 tỷ đến 10 tỷ đồng	16,75 triệu đồng + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt 1 tỷ
4	Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ	34,75 triệu đồng + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ đồng
5	Từ trên 20 tỷ	49,75 triệu đồng + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ đồng. Tổng số phí không quá 300 triệu đồng/cuộc đấu giá

b) Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án, cơ quan tài chính thanh toán cho tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý theo quy định tại điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

II. Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản

1. Đối tượng nộp phí.

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ phải nộp phí tham gia đấu giá cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản.

2. Mức thu.

Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá theo quy định như sau:

Số TT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Dưới 20 triệu đồng	50.000
2	Từ 20 triệu đồng đến 50 triệu	100.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000
4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000

III. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

1. Hội đồng bán đấu giá tài sản được sử dụng số tiền phí thu được của người tham gia đấu giá để trang trải các chi phí cho Hội đồng đấu giá tài sản, nếu thừa nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá để lại 80% để trang trải cho việc bán đấu giá, nộp ngân sách 20%.

3. Đối với đơn vị thu phí là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (trừ đấu giá quyền sử dụng đất): Phí đấu giá, phí tham gia đấu giá thu được là khoản thu không thuộc Ngân sách nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

IV. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2014.

V. Tổ chức thực hiện: Sở Tài chính, Sở Tư pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Mục I Điều 1 Quyết định số 2530/2008/QĐ-UBND ngày 18/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh và ban hành mới một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để b/cáo);
- Cục KTVB, Bộ Tư pháp (để b/cáo);
- TT Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để báo cáo);
- MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh hóa;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTT (QDCD 13-035)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Chiến